

BEAUTY THERAPY

THẨM MỸ TRỊ LIỆU

1. NATURAL SCIENCES - CHEMISTRY AND PHYSICS

- Elements, Compounds and Mixtures, pH Scale
- Basic Chemistry
- Organic Chemistry
- Physics
- Electricity
- Ion Theory
- Radiation

2. ANATOMY AND PHYSIOLOGY

- Introduction to Anatomy and Physiology
- Cell Structure and Function
- Tissues
- Metabolism
- Skeletal System
- Muscular System
- Circulatory System
- Lymphatic System and Immune System
- Digestive System
- Respiratory System
- Nervous System
- Endocrine System
- Excretory System
- Reproductive System



1. KHOA HỌC TỰ NHIÊN – HÓA HỌC VÀ VẬT LÝ

- Phân tử, Hợp chất và Hỗn hợp, độ pH
- Hóa học cơ bản
- Hóa hữu cơ
- Vật lý
- Dòng điện
- Lý thuyết ion
- Bức xạ

2. GIẢI PHẪU VÀ SINH LÝ HỌC

- Giới thiệu Giải phẫu học và Sinh lý học
- Cấu trúc và Chức năng tế bào
- Mô
- Trao đổi chất
- Hệ Xương
- Hệ Cơ
- Hệ Tuần hoàn
- Hệ Bạch huyết và Miễn dịch
- Hệ Tiêu hóa
- Hệ Hô hấp
- Hệ Thần kinh
- Hệ Nội tiết
- Hệ Bài tiết
- Hệ Sinh sản



3. SKIN/DERMATOLOGY

- The Skin
- Skin Structure
- Skin Function
- Skin Analysis
- Skin Diseases
- Nail Disorders and Diseases

4. HYGIENE AND FIRST AID

- Public and Personal Hygiene
- Microbiology/Bacteriology
- Methods of Sanitisation and Sterilisation
- Infection/Cross Infection
- Immunity

5. THE SCIENCE OF COSMETICS

- Introduction of Cosmetics
- Pharmaceutical
- Emulsion
- Ingredients used in Cosmetic
- Skin Care products
- Make-up products
- Nail products
- Treatment of cosmetic irritation

3. DA/Y HỌC VỀ DA

- Hệ da
- Cấu trúc da
- Chức năng da
- Phân tích da
- Các bệnh về da
- Các bệnh về móng và rối loạn

4. VỆ SINH VÀ SƠ CỨU

- Vệ sinh cá nhân và cộng đồng
- Vi sinh vật học/Vi khuẩn học
- Phương pháp vệ sinh và khử trùng
- Nhiễm trùng/Nhiễm trùng chéo
- Miễn dịch

5. KHOA HỌC CỦA MỸ PHẨM

- Giới thiệu về Mỹ phẩm
- Dược Mỹ phẩm
- Nhũ tương
- Thành phần Mỹ phẩm
- Mỹ phẩm Chăm sóc da
- Mỹ phẩm Trang điểm
- Mỹ phẩm cho móng
- Xử lý khi kích ứng mỹ phẩm



GENERAL KNOWLEDGE OF COSMETIC SURGERY, FILLER, BOTOX, MICRONEEDLING, MICRODERMABRASION, PEEL

KIẾN THỨC TỔNG QUAN VỀ PHẪU THUẬT THẨM MỸ, FILLER, BOTOX, LĂN KIM, SIÊU MÀI MÒN, LỘT NHÉ



6. PRACTICAL AESTHETIC TREATMENT

- Consulting Skills
- Skills In Creating Skin And Body Analysis Sheet
- Professional Treatment Room Setup
- Professional Appearance
- Establish Customer Relationships
- Set Up A Professional Treatment Process
- Facial Cleansing, Deep Cleansing, Massage, Mask...
- Waxing
- Nail Care
- Make-up
- Eyebrows and Eyelashes tinting
- Body Index Analysis
- Cellulite check
- Body Massage

7. NUTRITION AND DIET

8. BUSINESS STUDIES – PROFESSIONAL ETHICS

6. THỰC HÀNH ĐIỀU TRỊ THẨM MỸ

- Kỹ Năng Tư Vấn
- Kỹ Năng Lập Bảng Phân Tích Da và Cơ thể
- Setup phòng điều trị chuyên nghiệp
- Sự xuất hiện chuyên nghiệp
- Thiết lập quan hệ khách hàng
- Thiết lập quy trình điều trị chuyên nghiệp
- Rửa mặt, Tẩy tế bào chết, Massage, Mặt nạ...
- Waxing
- Chăm sóc móng
- Trang điểm
- Nhuộm Mi Mày
- Phân tích Chỉ số cơ thể
- Kiểm tra Cellulite
- Massage toàn thân

7. DINH DƯỠNG VÀ CHẾ ĐỘ ĂN UỐNG

8. NGHIÊN CỨU KINH DOANH - ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

